

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2024

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Mai Trung Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia; bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ T, sinh 1995; địa chỉ: Tổ A phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh 1993; địa chỉ: Tổ A phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai số kết hôn 123 ngày 16/10/2012. Trong quá trình sống chung hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh H không chăm lo cho gia đình, chính vì thế vợ chồng không hạnh phúc. Sau đó, anh H vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G, huyện M, tỉnh Gia Lai. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, chị và anh H 01 con chung là cháu Nguyễn Khải H1, sinh ngày 22/8/2012 chị T đang nuôi nên chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức H, có lời trình bày trong hồ sơ như sau: Anh H và chị T tự nguyện sống và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống cũng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T làm đơn yêu cầu ly hôn. Hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G, huyện M, tỉnh Gia Lai nên không tham gia khi Tòa án giải quyết được. Anh H đồng ý ly hôn với chị T và đồng ý để chị T nuôi con chứ không ý kiến gì. Anh H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về hôn nhân chị T được ly hôn với anh H; về con chung, giao cho chị T nuôi con chung là cháu Nguyễn Khải H1, sinh ngày 22/8/2012 đến khi trưởng thành và tự lực được. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức H, có địa chỉ tại phường A, thị xã A nên Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết vụ án nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn không có hạnh phúc và không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Hiện nay anh H chấp hành án phạt tù tại Trại Giam G, huyện M, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T cho rằng vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên chị thương không thể nào trở về đoàn tụ với anh H được. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị T anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn với anh H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Khải H1, sinh ngày 22/8/2012. Qua tham khảo ý kiến của cháu H1 thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ, nên giao chị T trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T trình bày chị có việc làm, có thu nhập nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hồ Thị Mỹ T trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Khải H1, sinh ngày 22/8/2012 cho đến khi cháu H1 thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị Mỹ T không yêu cầu anh Nguyễn Đức H, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013149 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2024) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường An Phú, TX . A (để ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 123, ngày 16/10/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn